NAME:.....

Grade: 6



Unit 5 NATURAL WONDERS OF VIET NAM



LIVEWORKSHEETS

Unit 5 NATURAL WONDERS OF VIET NAM

A. PHONETICS

Task 1: Find the word which has a different sound in the underlined part.

1.	A.t<u>o</u>p	B.st<u>a</u>y	C.t<u>e</u>n	D.t<u>o</u>mato
2.	A.t<u>u</u>ne	B.st<u>o</u>p	C.st<u>i</u>ck	D.st<u>i</u>cker
3.	A.pret<u>t</u>y	B.pot<u>a</u>to	C.t<u>e</u>st	D.st<u>ee</u>r
4.	A.st<u>a</u>te	B.t<u>i</u>p	C.st<u>a</u>tement	D.st<u>a</u>tion
5.	A.los<u>t</u>	B.t<u>e</u>nnis	C.pho<u>t</u>o	D.t<u>e</u>lephone

B. VOCABULARY AND GRAMMAR

Task 2: . Look at the pictures and complete the blanks with the words given.

Ha Long Bay **water fall** **lake** **beach**
cave **desert** **mountain** **island**


1.....


2.....


3.....


4.....


5.....


6.....


7.....


8.....

Task 3: Write the names of natural wonders.

Water fall	lake	forest	cave	desert	island	valley	river

1. A large area of land where there is almost no water, rains, trees, or plants __
2. A large area of water that flows towards the sea _____
3. A large area of water that is surrounded by land _____
4. A piece of land that is completely surrounded by water _____
5. A place where a stream or river falls down from a high place _____
6. A large area of land that is covered with a lot of trees _____
7. A low area of land between mountains or hills _____
8. A large hole in the side of a hill or under the ground _____

LIVEWORKSHEETS

Unit 5 NATURAL WONDERS OF VIET NAM

Task 4: Complete the sentences with must or mustn't.





1. *You _____ be late for school.*
2. *You _____ eat fruit and vegetables*
3. *You _____ eat in class.*

Task 5: Complete the sentences with must or mustn't.

1. She is ill, so she _____ see the doctor.
2. It is raining. You _____ take your umbrella.
3. You _____ throw litter on the stairs.
4. This is a secret. You _____ tell anybody.
5. You _____ make noise in the library.

Task 6: Write sentences with must or mustn't., using the words given in brackets.

1. It is raining heavily. (you/ wear your raincoat) *You must wear your raincoat.*
2. Jane is not feeling well. (she/ go to the doctor) _____
3. The baby is sleeping. (you/ shout) _____

Task 7: Fill in the blanks with a, an, some or any.

1. Have you got _____ potatoes?
2. I'd like _____bread, and _____piece of cheese, please.
3. For breakfast, I have _____ham sandwich and _____orange juice.
4. Here are _____ cereals, but there isn't _____ milk.
5. Would you like _____ beer or would you prefer _____ bottle of Coke?
6. Is there _____ rice left? ~ I'm afraid there isn't _____ rice left

Task 8: Complete the sentences with How much or How many

1. _____grams of sugar per day should we consume?
2. _____bread do we need?
3. _____coffee do you drink in a day?
4. _____steaks do you want?
5. _____meat do we need for the barbecue tonight?

LIVEWORKSHEETS

Unit 5 NATURAL WONDERS OF VIET NAM

C.READING

Task 9 : Read the following text and use the words given in the box to fill in the blanks

means	limestone	as	width	found	largest	much

Son Doong cave is world's (1) _____ cave, located in QuangBinh province,Vietnam. It was (2) _____ by a local man named Ho Khanh in 1991 and wasrecently discovered in 2009 by British cavers, led by Howard Limbert. The name "SonDoong" cave (3) _____ "mountain river cave". The cave was created 2-5 millionyears ago by river water eroding away the (4) _____ underneath the mountain.

At about 9 kilometers in length, 200 meters in (5) _____ and 150 meters inheight, Son Doong Cave is (6) _____ larger than Deer Cave in Malaysia and hasreplaced Deer Cave to take pole position (7) _____ the world's largest cave.

E. LISTENING

Task 10: Listen again and fill the blank with a missing word.

pagoda	buses	two

Tam Dao is 85km far from Hanoi center. It takes (1) …… hours to get there. You can go by motorbikes, cars, (2) …… or taxies. Getting there, you can visit Tam Dao National Park, ancient church, Van (3) ……, Silver Waterfall, SkyGate.

F. WRITING

Task 11: Reorder the words to make the correct sentences

1. Quang Tri provice is hotter than any other areas in VietNam
   Quang Tri provice is _____
2. Ban Gioc Water Fall is the nicest water fal river in Viet Nam.
   No other water fall in VietNam is _____
3. I've never seen such a wonderful waterfall before.
   This is the _____
4. How high is Mount Everest?
   What is _____
5. Shall we go to Ha Long Bay this weekend?
   How about _____

The end

LIVEWORKSHEETS

REVIEW – UNIT 5

A.pronunciation

/t/	/d/
ten */ten/*	wonder / /

B.voc:

New words	Transcription	Meaning
activity	/ækˈtɪvɪti/	*hoạt động*
Antarctica	/ænˈtɑːktɪkə/	*châu Nam cực*
attraction	/əˈtrækʃən/	*sự hấp dẫn*
backpack	/ˈbækpæk/	*ba lô đeo lưng*
bay	/beɪ/	*vịnh*
beach	/biːtʃ/	*bãi biển*
cave	/keɪ/	*hang động*
coast	/kəʊst/	*bờ biển*
compass	/ˈkʌmpəs/	*la bàn*
cuisine	/kwɪˈziːn/	*ẩm thực*
dangerous	/ˈdeɪndʒərəs/	*nguy hiểm*
desert	/ˈdezət/	*sa mạc*
diverse	/daɪˈvɜːs/	*đa dạng*
essential	/ɪˈsenʃl/	*thiết yếu, quan trọng*
forest	/ˈfɒrɪst/	*khu rừng*
freshwater	/ˈfreʃwɔːtər/	*nước ngọt*
freshwater lake	/ˈfreʃwɔːtə leɪk/	*hồ nước ngọt*
island	/ˈaɪlənd/	*hòn đảo*
lake	/leɪk/	*hồ nước*
map	/mæp/	*tấm bản đồ*
mobile phone	/məʊbaɪl fəʊn/	*điện thoại di động*
mountain	/ˈmaʊntɪn/	*ngọn núi*
mountain range	/ˈmaʊntən reɪndʒ/	*dãy núi*
natural wonder	/ˈnætʃrəlwʌndə/	*kì quan thiên nhiên*
nature	/nəɪz pəˈluːʃən/	*thiên nhiên*
necessary	/ˈnesəseri/	*cần thiết*
painkiller	/ˈpeɪnkɪlər/	*thuốc giảm đau*
Perfume river	/ˈpɜːfjuːm ˈrɪvər/	*sông Hương*
plaster	/ˈplɑːstə(r)/	*băng dán*
rainforest	/ˈreɪnfɒrɪst/	*rừng nhiệt đới*
river	/rɪvər/	*dòng sông*
Rooster and Hen island	/ˈruːstər ænd hen ˈaɪlənd/	*hòn Trống Mái*
scissors	/ˈsɪzər/	*cái kéo*
seafood	/ˈsiːfuːd/	*hải sản*
sleeping bag	/ˈsliːpɪŋ bæg/	*túi ngủ*
snow	/snəʊ/	*tuyết*
special	/ˈspeʃl/	*đặc biệt*
sun cream	/ˈsʌn kriːm/	*kem chống nắng*

LIVEWORKSHEETS

sun hat	/sʌn hæt/	*mũ chống nắng*
tent	/tent/	*cái lều*
torch	/ˈtɔːtʃ/	*đèn pin*
traditional	/trəˈdɪʃənəl/	*thuộc truyền thông*
travel items	/trævl ˈaɪtəm/	*các đồ dùng cần khi đi du lịch*
unforgettable	/ʌnfəˈgetəbl/	*không thể quên được*
valley	/ˈvæli/	*thung lũng*
walking boot	/ˈwɔːkɪŋ buːt/	*giày đi bộ*
waterfall	/ˈwɔːtəfɔːl/	*thác nước*
waterproof coat	/ˈwɔːtəfɔːl kəʊt/	*áo mưa*

C. Grammar

I. 1. **Modal verb Must(Động từ tình thái)**

1. Form:

(+)	S + must + V(bare infinitive)
(-)	S + must not + V(bare infinitive)

2. Usage :

Must : diễn tả sự cần thiết hoặc bắt buộc, hoặc bổn phận trách nhiệm phải làm ở hiện tại và tương lai.

Eg: I must finish my home work before going to bed.

Tôi phải hoàn thành bài tập trước khi đi ngủ. (Trách nhiệm)

You must slow down when the light yellow.

Bạn phải giảm tốc độ khi đèn vàng.(Bắt buộc)

Must not (Mustn't): không được phép

Eg: You mustn't turn right.

Bạn không được phép rẽ phải. (Bắt buộc)

You mustn't come late.

Bạn không được đến muộn.

II. Countable and uncountable nouns

a. Countable nouns

-Danh từ đếm được để chỉ những gì có thể đếm được: một, hai, ba, bốn,...

-Có thể dùng ***a/an*** và số đếm trước danh từ đếm được.

-Danh từ đếm được tồn tại ở hai dạng: số ít và số nhiều.

-Để chuyển danh từ từ dạng số ít sang dạng số nhiều, ta thêm s/ es vào sau danh từ ấy.

Ví dụ:

A book — *Một cuốn sách*

Two chairs — *Hai cái ghế*

Five people — *Năm người*

10 women — *10 người phụ nữ*

b. Uncountable nouns

Danh từ không đếm được chỉ những gì không thể đếm được, những cái mang tính trừu tượng

Không thể dùng ***a/ an*** và số đếm trước danh từ không đếm được.

Động từ chia sau danh từ không đếm được luôn luôn ở dạng số ít.

Ví dụ:

Bread Cream Nature Weather

LIVEWORKSHEETS

Bánh mì *Kem* *Thiên nhiên* *Thời tiết*

c. A/ an/ some/ any

a/an(một), ***some/any***(một vài) được dùng để chỉ số lượng cho cả danh từ đếm được và không đếm được.

	COUNTABLE NOUNS	
	Singular	**Plural**
(+)	There is a pen.	There are some books.
(-)	There isn't an engineer.	There aren't any pictures.
(?)	Is there an egg?	Are there any pencils?
	UNCOUNTABLE NOUNS	
(+)	There is some bread.	

2. Question word: *How much* and *How many*

Ta sử dụng ***How much*** cho danh từ không đếm được và ***How many*** cho danh từ đếm được.

Ví dụ:

How many meals do you have every day?

How much water would you like to drink?

LIVEWORKSHEETS